



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Tru-Bond PSA4500

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm Tru-Bond PSA4500

Số hiệu sản phẩm 18429, 18450, 18453

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Keo.

Mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên Không có khuyến cáo cụ thể nào được xác định.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

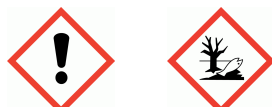
Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Thành phần nhãn

Hình đồ



Từ cảnh báo

Cảnh báo

Tru-Bond PSA4500

Câu cảnh báo nguy cơ	H315 Gây kích ứng da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H335 Có thể gây kích ứng hô hấp. H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
Câu phòng ngừa	P271 Chỉ được sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông gió tốt. P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P313 Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp. P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.
Bao gồm	Acrylate Monomer, Photoinitiator

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

Acrylate Monomer Số CAS: 5888-33-5	10-30%
Phân loại Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335 Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411	
Photoinitiator Số CAS: 75980-60-8	<3%
Phân loại Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tính sinh sản loại 2 - H361f Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Tham khảo ý kiến bác sĩ để được tư vấn cụ thể.
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Không cố nôn ra. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế.

Tru-Bond PSA4500

Tiếp xúc với mắt Rửa ngay với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô. Không sử dụng nước, nếu có thể.

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể Nguy cơ nổ nếu bị gia nhiệt.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Các thùng chứa gần đám cháy nên được rời đi hoặc làm mát với nước. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Sử dụng mặt nạ phòng độc, găng tay và kính bảo hộ.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Dán nhãn thùng chứa chất thải và các chất liệu nhiễm hóa chất và đưa ra khỏi khu vực càng sớm càng tốt.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Avoid contact with eyes. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Bảo quản trong thùng chứa đóng kín. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Tru-Bond PSA4500

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1. thể cuối cùng

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt

Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thấm thấu của chất liệu làm găng. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Không có quy trình vệ sinh cụ thể nào được khuyến nghị nhưng việc thực hiện vệ sinh cá nhân phải luôn được thực hiện khi làm việc với các sản phẩm hóa chất.

Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Đảm bảo rằng tất cả các thiết bị bảo hộ hô hấp phải phù hợp với mục đích sử dụng của nó.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng nhớt.
Màu sắc	Không màu đến phớt vàng.
Mùi đặc trưng	Mùi đặc trưng.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): Not Determined
Điểm chớp cháy	100°C SCC (Cốc kín Setaflash).
Tỷ lệ hóa hơi	<1 (diethyl ether = 1)
Áp suất hơi	0.01 mmHg @68 degree F @ °C
Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	1.07 @ °C
Thông tin khác	Không có.
Tính dễ bay hơi của hợp chất hữu cơ	Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là <0.5 .

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Tru-Bond PSA4500

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh. Kiềm mạnh. Chất khử mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Có thể polyme hóa.
Các tình trạng cần tránh	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa mạnh. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
Các vật liệu cần tránh	Chất oxy hóa mạnh. Chất khử mạnh. Kiềm mạnh. Axit mạnh.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Oxit của cacbon. Oxit của nitơ.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Sự hít phải	Hơi gây kích ứng hệ hô hấp. Có thể gây ho và khó thở.
Sự ăn phải	Nuốt phải có thể gây kích ứng miệng, thực quản và đường tiêu hóa trầm trọng.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài có thể gây mẩn đỏ, kích ứng và khô da.
Tiếp xúc với mắt	Kích ứng mắt và màng nhầy.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính	Gây kích ứng da.
Đường vào cơ thể	Tiếp xúc với da và/hoặc mắt Ingestion. Qua đường thở
Cơ quan mục tiêu	Mắt Hệ hô hấp, phổi Da
Triệu chứng y học	Kích ứng mắt và màng nhầy.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh.
Độc tính	Không được cho là gây độc cho cá.
<u>Độ bền vững và độ phân hủy</u>	
Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u>	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<u>Tính di động trong đất</u>	
Tính di động	Không được cho là có tính di động.
<u>Các tác động có hại khác</u>	
Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung	Chất thải phải được xử lý như chất thải được kiểm soát. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
------------------------	---

Tru-Bond PSA4500

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).

Số UN

Không áp dụng.

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 3082

Tên vận chuyển chuẩn UN

Không áp dụng.

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (ALIPHATIC URETHANE ACRYLATE, Acrylate Monomer)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (ALIPHATIC URETHANE ACRYLATE, Acrylate Monomer)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (ALIPHATIC URETHANE ACRYLATE, Acrylate Monomer)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhãn vận chuyển

Không có dấu hiệu cảnh báo vận chuyển nào được yêu cầu.

Nhóm đóng gói

Không áp dụng.

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

Không áp dụng.

Vận chuyển số lượng lớn theo Không áp dụng.

Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 8

Ngày thay thế 14/04/2016

Tru-Bond PSA4500

- Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ**
- H315 Gây kích ứng da.
 - H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 - H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 - H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
 - H361f Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản.
 - H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.